

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chính phủ thành lập Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Ủy ban).

2. Ủy ban là cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Ủy ban thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước theo phân công của Chính phủ và theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

1. Về quản lý vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp:

a) Tổ chức thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp theo quy định tại Chương II Nghị định này và pháp luật có liên quan.

b) Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cơ chế hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

2 Về chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch:

a) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, quy hoạch, các chương trình, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm của Ủy ban. Tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Quyết định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

4. Về chế độ thông tin, báo cáo:

a) Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hoặc đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, về kết quả, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

b) Theo dõi, thu thập, tổng hợp, báo cáo, công bố thông tin về hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

c) Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ chính trị, chính sách, chế độ và pháp luật của Nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Về tổ chức bộ máy của Ủy ban:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của các tổ chức, đơn vị trực thuộc;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chủ tịch Ủy ban;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật; quy định thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc;

đ) Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, nhân viên thuộc thẩm quyền; chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong hoạt động của Ủy ban;

e) Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với cán bộ, nhân viên thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật và nhiệm vụ được giao đối với cán bộ, nhân viên thuộc thẩm quyền quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan tới cán bộ, nhân viên thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện quản lý tài chính, lao động, tiền lương, thu nhập theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

7. Chấp hành, tuân thủ chính sách và pháp luật về sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại và nâng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

8. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Tham gia góp ý xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khi được yêu cầu.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân công, giao nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật về cơ quan thuộc Chính phủ.

11. Ủy ban không thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Chủ tịch Ủy ban không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý tài chính, tài sản, lao động của Ủy ban

1. Ủy ban thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm quản lý và sử dụng các nguồn vốn, tài sản và nguồn nhân lực có hiệu quả, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao; được tạo điều kiện đầu tư phát triển theo chiến lược, quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt trong từng giai đoạn, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của cán bộ, nhân viên.

2. Ủy ban thực hiện quản lý tài chính, lao động, tiền lương theo quy định pháp luật về cơ quan thuộc Chính phủ. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với Ủy ban; ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động tài chính của Ủy ban theo nguyên tắc sau đây:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban, bao gồm cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

b) Nguồn chi ngân sách nhà nước quy định tại điểm a Khoản này được cân đối trong khoản thu ngân sách nhà nước từ cổ phần hoá, sắp xếp, thoái vốn nhà

nước, cổ tức, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

c) Bên cạnh chế độ tiền lương theo quy định, cơ quan chuyên trách có phần thu nhập bổ sung gắn với hiệu quả quản lý vốn nhà nước và năng suất lao động của các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Ủy ban làm việc theo chế độ thủ trưởng.
2. Ủy ban có Chủ tịch và không quá 04 Phó Chủ tịch do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch Ủy ban chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ủy ban.
4. Các Phó Chủ tịch giúp việc Chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.
5. Chủ tịch Ủy ban quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Ủy ban; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu của các đơn vị.
6. Các tổ chức, đơn vị trực thuộc:
 - a) Vụ Quản lý vốn tại doanh nghiệp nông nghiệp.
 - b) Vụ Quản lý vốn tại doanh nghiệp công nghiệp chế tạo.
 - c) Vụ Quản lý vốn tại doanh nghiệp năng lượng.
 - d) Vụ Quản lý vốn tại doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông, truyền thông.
 - đ) Vụ Quản lý vốn tại doanh nghiệp xây dựng và hạ tầng.
 - e) Vụ Chiến lược và phát triển.
 - g) Vụ Quản trị tài chính và rủi ro.
 - h) Vụ Pháp chế, kiểm soát nội bộ.
 - i) Vụ Tổ chức, nhân sự và đào tạo.
 - k) Văn phòng Ủy ban.

Các tổ chức quy định từ điểm a đến điểm đ Khoản này có nhiệm vụ giúp Lãnh đạo Ủy ban thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Các tổ chức quy định từ điểm e đến điểm i Khoản này có nhiệm vụ giúp Lãnh đạo Ủy ban thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo nội dung chuyên môn.

Văn phòng Ủy ban gồm Phòng Hành chính, Phòng Tài chính, kế toán, Trung tâm thông tin quản lý.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ

Điều 5. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giao Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu, trừ công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập

1. Về thành lập Công ty và đầu tư vốn thành lập Công ty:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Công ty và ra quyết định thành lập công ty sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án theo quy định của Chính phủ về thành lập doanh nghiệp nhà nước.

b) Thỏa thuận với Bộ tài chính và thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước thành lập Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Về tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty:

a) Xem xét, quyết định tổ chức lại Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và theo quy định của Chính phủ về tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước.

b) Phê duyệt phương án và ra quyết định chuyển Công ty thành công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

c) Phê duyệt phương án và ra quyết định chuyển đổi công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

d) Quyết định phê duyệt phương án bán, giá bán và ký hợp đồng bán công ty với người mua công ty theo quy định của Chính phủ về bán doanh nghiệp nhà nước.

đ) Xem xét, quyết định giải thể công ty theo đề nghị của người có thẩm quyền đề nghị giải thể công ty và phù hợp với quy định của Chính phủ về giải thể doanh nghiệp nhà nước.

e) Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty phù hợp với đề án sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và theo pháp luật về phá sản.

3. Về điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ, vốn điều lệ của Công ty:

a) Xem xét, phê duyệt Điều lệ công ty, Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

b) Quyết định mức vốn điều lệ khi thành lập, điều chỉnh mức vốn điều lệ trong quá trình hoạt động và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

4. Về chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty:

a) Phê duyệt đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm và hằng năm của Công ty.

b) Giám sát, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch của Công ty đã được phê duyệt.

5. Về quản lý cán bộ, lao động của Công ty:

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của kiểm soát viên; giao nhiệm vụ, đánh giá kết quả hoạt động và trả lương cho kiểm soát viên chuyên trách, thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm theo quy định của Chính phủ về kiểm soát viên doanh nghiệp nhà nước.

c) Phê duyệt đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc công ty.

d) Quyết định quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên.

6. Về quản lý tài chính và hoạt động đầu tư của Công ty:

a) Phê duyệt quy chế tài chính của Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

b) Phê duyệt từng phương án huy động vốn, từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài công ty theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty, theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c) Quyết định chủ trương dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, quy định của Chính phủ về đầu tư ra nước ngoài và các quy định pháp luật có liên quan.

d) Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

đ) Quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Công ty đề Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định thực hiện.

e) Xem xét, phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

g) Quyết định cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

h) Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

7. Tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá hoạt động của Công ty và người quản lý của Công ty theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và giao Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu

Ủy ban thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều 5 Nghị định này, trừ các nội dung sau đây:

1. Trình Chính phủ ban hành Điều lệ công ty, Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; quy định của Chính phủ về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

a) Quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

b) Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại Công ty theo quy định của Chính phủ về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của Công ty.

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên.

đ) Phê duyệt đề án thành lập công ty, đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

e) Quyết định chủ trương chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp giữa Ủy ban, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban về quản lý vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Ủy ban thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thông qua người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi tắt là người đại diện phần vốn nhà nước):

a) Ủy ban quyết định cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước.

b) Tiêu chuẩn, quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

c) Người đại diện phần vốn nhà nước có thể bao gồm người đại diện chuyên trách và người đại diện không chuyên trách. Người đại diện chuyên trách tham gia làm người đại diện tại một doanh nghiệp. Người đại diện không chuyên trách tham gia làm người đại diện tại không quá ba (03) doanh nghiệp, số lượng người đại diện không chuyên trách tại một doanh nghiệp không quá 30% số lượng thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp.

Việc cử người đại diện phần vốn nhà nước phải thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định rõ quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước.

Thời hạn cử người đại diện phần vốn nhà nước được xác định không quá nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp được cử đến.

d) Người đại diện chuyên trách được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả.

Người đại diện không chuyên trách được hưởng thù lao do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả; tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do Ủy ban chi trả.

đ) Ủy ban có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với những vấn đề thuộc trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo, xin ý kiến.

2. Ủy ban thực hiện giám sát công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thông qua người đại diện phần vốn nhà nước:

a) Nội dung và phương thức giám sát theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

b) Ủy ban căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước để xem xét việc tiếp tục đầu tư, mở rộng đầu tư hay thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này; làm căn cứ đánh giá, khen thưởng đối với người đại diện phần vốn nhà nước và làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn nhà nước trong kỳ kế hoạch tiếp theo.

3. Ủy ban chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về những nội dung sau đây:

a) Quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư tăng vốn, chuyển nhượng cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

b) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước.

d) Hiệu quả sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Ủy ban thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III **GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ỦY BAN**

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban trong mối quan hệ với bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương

1. Về việc giúp Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp xây dựng và trình Chính phủ ban hành các quy định tại Điều 40 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, trừ Điều lệ và Điều lệ sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và giao Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

b) Ủy ban được tham gia xây dựng các quy định tại điểm a Khoản này theo pháp luật về ban hành văn bản quy pháp luật.

c) Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Ủy ban trong việc chấp hành và tuân thủ các quy định tại điểm a Khoản này theo phân công của Chính phủ và quy định của pháp luật.

2. Về việc giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp:

a) Ủy ban đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 41 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Bộ, cơ quan ngang bộ tham gia ý kiến đề Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc phê duyệt các nội dung của điểm a Khoản này theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của Ủy ban đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm được giao theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính tham gia ý kiến, thực hiện thẩm định hồ sơ, thực hiện cấp vốn nhà nước trong các trường hợp đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát doanh nghiệp nhà nước theo thẩm quyền; tham ý kiến về chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; tham gia việc ban hành quy chế tài chính đối với công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ:

- Tham gia giám sát, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp theo lĩnh vực được phân công, phụ trách và theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến thẩm định theo quy định của pháp luật (nếu có) để Ủy ban quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban.

4. Ủy ban chịu sự quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công theo quy định của pháp luật:

a) Chấp hành và tuân thủ các hoạt động quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

c) Thực hiện chiến lược đầu tư theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt.

d) Chấp hành các quy định về danh mục, phương thức quản lý tài chính, chính sách ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ công ích trong từng thời kỳ.

đ) Chấp hành sự giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Có trách nhiệm lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng các chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư lớn của doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

5. Khi thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn địa phương:

a) Ủy ban phải tuân thủ các hoạt động quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Ủy ban chỉ đạo các doanh nghiệp do Ủy ban làm làm đại diện chủ sở hữu phải tuân thủ và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của địa phương; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; tuân thủ hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, đầu tư, tài chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Giám sát hoạt động của Ủy ban

1. Ủy ban chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Hội đồng và Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; giải trình, trả lời chất vấn các vấn đề về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ quốc hội yêu cầu.

2. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động của Ủy ban, bao gồm:

a) Giám sát tình hình thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ được giao trong quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Giám sát việc tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Các nội dung giám sát khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện hoặc tham gia thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động của Ủy ban theo phân công và yêu cầu của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao và việc tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban lập Báo cáo hằng năm về tình hình thực hiện các quyền và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên gửi Chính phủ trước ngày kết thúc Quý I của năm sau liền kề năm báo cáo.

6. Ủy ban phải thực hiện kiểm toán độc lập đối với Báo cáo hằng năm về tình hình thực hiện các quyền và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và

phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

7. Ủy ban là đối tượng thuộc kiểm toán nhà nước hằng năm và kiểm toán nhà nước theo chuyên đề về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp; tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước thuộc chương trình giám sát của Quốc hội.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Ủy ban và Tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, trừ các trường hợp sau đây:

a) Bộ Tài chính quản lý vốn nhà nước tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Deloitte Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng Kiểm toán AASC, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam, Công ty Xổ Số Điện Toán Việt Nam.

b) Ngân hàng Nhà nước quản lý vốn nhà nước tại các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Hợp tác xã, Nhà máy In tiền Quốc gia, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam.

c) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và bộ quản lý ngành quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

d) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý theo phương án đã được phê duyệt.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý vốn nhà nước tại công ty xổ số kiến thiết và doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp được chuyển giao từ bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cơ quan đại diện chủ sở hữu của các doanh nghiệp sau đây:

- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Công ty mẹ các tập đoàn, tổng công ty: Tập đoàn Xăng dầu VN, Tập đoàn Hóa chất VN, Tập đoàn Điện lực VN, Tập đoàn Dầu khí VN, Tập đoàn công nghiệp cao su VN, Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản VN, Tập đoàn Bru chính Viễn thông VN, Tổng công ty Viễn thông VTC, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Thuốc lá VN, Tổng công ty Hàng không VN, Tổng công ty Hàng hải VN, Tổng công ty Đường sắt VN, Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc VN, Tổng công ty Đầu tư phát triển và Quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long, Tổng công ty Cảng Hàng không, Tổng công ty Cà phê VN, Tổng công ty Lương thực miền Nam, Tổng công ty lương thực miền Bắc, Tổng công ty Lâm nghiệp VN;
- Các doanh nghiệp khác thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc có cổ phần chi phối lâu dài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc đối tượng được chuyển giao từ các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ các doanh nghiệp quy định tại điểm a Khoản này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước và người đại diện vốn Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc